

Bản án số 47/2018/DS-ST

Ngày 28.11.2018

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN L CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Sỹ

2. Ông Nguyễn Công Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngô Khánh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân quận L Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L Chiểu tham gia phiên tòa: Bà Phạm Ái Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận L Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2018/TLST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2018/QĐST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ; Trụ sở: 25 T, phường P, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng P - Chức vụ: Giám đốc tổ tụng xử lý nợ miền Trung - Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ; Địa chỉ: 373 N, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (Theo Giấy ủy quyền số 359/2018/QĐ-SeABank và Giấy ủy quyền số 888413/2018/QĐ-SeABank ngày 09 tháng 7 năm 2018), (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Phạm Hữu N - Sinh năm 1966 và bà Mai Thị L - Sinh năm 1970; Cùng nơi cư trú: Tổ 31, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, (Vắng mặt, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 17 tháng 7 năm 2018, tại Bản tự khai ngày 15 tháng 10 năm 2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (*- Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (viết tắt là Ngân hàng TMCP Đ)*) trình bày:

Ông Phạm Hữu N và bà Mai Thị L có vay tiền tại Ngân hàng TMCP Đ theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 10158/HĐTD-TDH/CN-TS ngày 25 tháng 9 năm 2015 và Giấy nhận nợ kèm theo. Nội dung: Vay số tiền 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*); mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân; thời hạn vay: 60 tháng...

Để đảm bảo khoản vay, ông N và bà L đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 32, tờ bản đồ 226 tại địa chỉ: tổ 31, phường Hòa Hiệp Nam, quận L Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 531339 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19 tháng 8 năm 2015 đứng tên ông N và bà L. Tài sản đã được thế chấp tại Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp số 10158/HĐTC-QSDĐTSGLVĐ/CN-TS ngày 25 tháng 9 năm 2015 và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định.

Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 21 tháng 6 năm 2018, ông N và bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ (Quá hạn 486 ngày). Do vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N, bà L trả số tiền nợ 92.999.897đ (*Chín mươi hai triệu chín trăm chín mươi chín ngàn tám trăm chín mươi bảy đồng*), trong đó nợ gốc trong hạn là 54.000.000đ, nợ gốc quá hạn là 30.073.017đ và nợ lãi là 8.926.880đ; buộc ông N và bà L tiếp tục trả lãi theo lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng từ ngày 22 tháng 6 năm 2018 cho đến khi trả đến nợ. Trường hợp, ông N và bà L không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, thì đề nghị Tòa án tuyên phát mãi tài sản để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày: Ông N và bà L chỉ trả cho Ngân hàng được 78.319.398đ (*Trong đó, nợ gốc là 48.765.768đ, lãi trong hạn là 21.584.300đ và lãi quá hạn là 7.969.330đ*) và bổ sung yêu cầu: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc ông N và bà L trả số tiền nợ tính đến ngày xét xử (*- Ngày 27 tháng 11 năm 2018*) là 83.201.525đ, trong đó: nợ gốc trong hạn là 44.000.000đ, nợ gốc quá hạn là 27.235.232đ, lãi trong hạn là 8.156.505đ và lãi quá hạn là 3.809.788đ. Các nội dung khác vẫn giữ nguyên theo đơn khởi kiện.

* Tại bản tự khai ngày 24 tháng 10 năm 2018, bị đơn - bà Mai Thị L trình bày: Ngày 25 tháng 9 năm 2018, vợ chồng bà có ký hợp đồng tín dụng vay của Ngân hàng TMCP Đ số tiền 120.000.000đ để tiêu dùng gia đình. Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng bà đã trả cho Ngân hàng được 120.000.000đ (*Số tiền cụ thể bà không nhớ rõ*). Bà sẽ cung cấp giấy nộp tiền cho Tòa án vào buổi làm việc sau.

Nay, do kinh tế gia đình gặp khó khăn, bà đề nghị Ngân hàng giảm bớt cho một phần tiền lãi và tạo điều kiện cho thời gian để vợ chồng bà trả hết nợ.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - ông Phạm Hữu N không có ý kiến trình bày gửi đến Tòa án. Ông N và bà L không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Bà Mai không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình là có căn cứ và hợp P. Tại phiên tòa, ông N và bà L vắng mặt lần hai, không có lý do.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L Chiếu phát biểu: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48; đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các nguyên tắc xét xử, đảm bảo các bên đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ, việc hỏi và tranh tụng tại phiên tòa được tiến hành khách quan, đúng trình tự. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn - bà Mai Thị L có ý kiến trình bày, nhưng các bị đơn đều đã được triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả P lý về việc vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 466 và 468 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử là 83.201.525đ. Ông N và bà L tiếp tục trả lãi đối với khoản tiền gốc từ ngày 29 tháng 11 năm 2018 cho đến khi trả dứt điểm nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì xử lý tài sản đã thế chấp. Trường hợp, ông N và bà L trả xong nợ thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại giấy chứng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã thế chấp cho bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn - ông Phạm Hữu N và bà Mai Thị L đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ, Hội đồng xét xử thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, ông N không văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ; bà L trình bày đã nộp trả cho Ngân hàng được 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*), nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ

chứng minh. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Ngày 25 tháng 9 năm 2015, ông N và bà L có ký Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 10158/HĐTD-TDH/CN-TS vay của Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đà Nẵng số tiền 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*); mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân; thời hạn vay: 60 tháng, kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2015; kỳ hạn trả nợ: Gốc lãi trả hàng tháng; lãi suất vay: Áp dụng tại thời điểm giải ngân là 12,25%/năm, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/01 lần vào ngày đầu mỗi quý theo nguyên tắc: Lãi suất cho vay = lãi suất VNĐ kỳ hạn 13 tháng của sản phẩm tiết kiệm tính lãi cuối kỳ đối với khách hàng cá nhân tại thời điểm điều chỉnh + biên độ tối thiểu 4,6%/năm + giảm trừ lãi suất (*Nếu có*); lãi quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn. Ông N và bà L đã ký vào Giấy nhận nợ ngày 26 tháng 9 năm 2015 đối với số tiền nợ 120.000.000đ. Hợp đồng tín dụng được ký kết theo sự tự nguyện của các bên và tuân thủ quy định về hình thức của hợp đồng. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đà Nẵng và ông N, bà L là hợp P, xác định ông N và bà L có vay của Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đà Nẵng số tiền 120.000.000đ.

Đến nay, mặc dù chưa hết thời hạn thanh toán, nhưng ông N và bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi hàng tháng được quy định tại Điều 5 của hợp đồng tín dụng và thỏa thuận trả nợ tại Giấy nhận nợ ngày 26 tháng 9 năm 2015. Do ông N và bà L đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay tài sản về thời hạn thanh toán nợ được quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ, buộc ông N và bà L phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc trong hạn 44.000.000đ, nợ gốc quá hạn 27.235.232đ và nợ lãi tính đến ngày 28 tháng 9 năm 2016 là 11.966.293đ, là hoàn toàn có cơ sở, đúng quy định của P luật.

Lãi được tiếp tục tính từ ngày 29 tháng 11 năm 2018 theo mức lãi suất do Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đà Nẵng và ông N, bà L đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 10158/HĐTD-TDH/CN-TS ngày 25 tháng 9 năm 2015 trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thi hành án xong.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 10158/HĐTC-QSDĐTSGL/CN-TS ngày 25 tháng 9 năm 2015 đã được công chứng tại Phòng công chứng số 2 và được đăng ký thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 323 Bộ luật Dân sự và Điều 95 Luật đất đai nên có giá trị P lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ đối với tài sản thế chấp. Do vậy, trường hợp ông N và bà L không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 32, tờ bản đồ 226 tại địa chỉ: tổ 31, phường Hòa Hiệp Nam, quận L Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 531339 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19 tháng 8 năm 2015 đứng tên ông N và bà L sẽ bị phát mãi để thu hồi nợ trả cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

[3] Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.160.076đ (*Bốn triệu một trăm sáu mươi ngàn không trăm bảy mươi sáu đồng*) theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 299, 323, 463, 466, 468 và 688 Bộ luật Dân sự; Điều 95 Luật đất đai; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 92, khoản 2 Điều 227, các điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ đối với ông Phạm Hữu N và bà Mai Thị L về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Xử: Buộc ông Phạm Hữu N và bà Mai Thị L phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền nợ gốc chưa đến hạn 44.000.000đ, nợ gốc đến hạn 27.235.232đ và nợ lãi tính đến ngày 28 tháng 11 năm 2018 là 11.966.293. Tổng cộng là 83.201.525đ (*Tám mươi ba triệu hai trăm lẻ một ngàn năm trăm hai mươi lăm đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông N và bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì xử lý phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 32, tờ bản đồ 226 tại địa chỉ: tổ 31, phường Hòa Hiệp Nam, quận L Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 531339 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19 tháng 8 năm 2015 đứng tên ông N và bà L.

Trường hợp ông N và bà L thanh toán xong nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 531339 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19 tháng 8 năm 2015 cho ông N và bà L.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 4.160.076đ (*Bốn triệu một trăm sáu mươi ngàn không trăm bảy mươi sáu đồng*) ông Phạm Hữu N và bà Mai Thị L phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí 2.324.997đ (*Hai triệu ba trăm hai mươi bốn ngàn chín trăm chín mươi bảy đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0003115 ngày 01 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận L Chiểu.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.L Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thủy